

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HS-PT

Ngày: 06 - 11 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Liễu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Ông Vũ Văn Túc

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Quốc Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 59/2024/TLPT-HS ngày 09 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo Trịnh Ngọc V, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2024/HS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

- **Bị cáo có kháng cáo:** **TRỊNH NGỌC V**, sinh năm 1991. Nơi cư trú: tổ A, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Trịnh Thanh N, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1963. Vợ là Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1995 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2016.

Tiền sự: Không

Tiền án: - Ngày 04/07/2016, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hòa Bình xử phạt 16 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích tại Bản án số 07/2016/HS-ST.

- Ngày 31/12/2019, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình xử phạt 12 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản tại Bản án số 139/2019/HS-ST.

Nhân thân: Ngày 15/09/2011, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình xử phạt Trịnh Ngọc V 36 tháng tù về tội Cướp giật tài sản tại Bản án số 71/2011/HS-ST; Ngày 07/09/2016, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình tuyên Trịnh

Ngọc V miễn trách nhiệm hình sự hành vi “tàng trữ trái phép chất ma túy” tại Bản án số 90/2016/HS-ST; Ngày 26/12/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm, xử phạt Trịnh Ngọc V 24 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích tại Bản án số 43/2023/HS-PT.

Hiện Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam N2 - Bộ Công an. Được trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Anh T và Luật sư Vũ Văn T1
- Công ty L, thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: Số B đường H, phường Y, quận H, thành phố Hà Nội. Luật sư T vắng mặt, Luật sư T1 có mặt.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Việt H1, sinh năm 1994. Trú tại: Tổ A, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam S. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Đặng Duy H3, sinh năm 1995. Trú tại: Tổ I, phường D, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Thanh T2, sinh năm 1986. Trú tại: Tổ A, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

+ Chị Vũ Thị Kim M, sinh năm 1973. Trú tại: tổ A, phường H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

(Tòa án không triệu tập bà Trần Thị V1, anh Nguyễn Ngọc H4, anh Nguyễn Văn T3).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có mối quan hệ quen biết với anh Phạm Thanh T2 là chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ cho thuê xe tự lái nên ngày 21/12/2021 Trịnh Ngọc V đã đặt vấn đề với anh T2 cho thuê xe tự lái. Vì không còn xe nên anh T2 đã liên hệ với anh Nguyễn Việt H1 là bạn và cùng kinh doanh dịch vụ cho thuê xe tự lái để cho V thuê xe. Anh H1 đồng ý cho V thuê chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, màu trắng, BKS: 28A-089.30 của anh H1. Vào khoảng 16h cùng ngày, V đến nhà anh T2 như đã hẹn, tại đây anh Nguyễn Việt H1 đã lập hợp đồng cho V thuê xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, màu trắng, BKS: 28A-089.30 thời gian thuê trong 03 ngày, giá tiền thuê xe là 700.000đ/ngày. Anh Việt H1 đã giao xe cùng giấy tờ chiếc xe cho V.

Sau khi thuê được xe, đến khoảng 16h30 phút cùng ngày, V nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe ô tô để lấy tiền chi tiêu cá nhân. V liên hệ với anh Đặng Duy H3 đặt

vấn đề cầm cố chiếc xe ô tô BKS: 28A-089.30 để vay số tiền khoảng 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, anh Duy H3 đồng ý. Khoảng 17h00 cùng ngày, V điều khiển chiếc xe ô tô BKS: 28A-089.30 đến cửa quán B thuộc tổ A, phường P, TP. gặp anh Đặng Duy H3. Tại đây, V đã thỏa thuận, cầm cố chiếc xe ô tô BKS: 28A-089.30 cho anh Đặng Duy H3 lấy số tiền 135.000.000 đồng, do V và anh Đặng Duy H3 có mối quan hệ thân quen nên không lập hợp đồng, giấy tờ cầm cố mà chỉ thỏa thuận miệng với thời hạn vay là trong 10 ngày, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Khi được V giao xe ô tô BKS: 28A-089.30 thì anh Đặng Duy H3 đã chuyển số tiền 135.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng M1 số: 8688692959999 của anh H3 đến tài khoản ngân hàng V2 số 101003722773 của Trịnh Ngọc V. Đến khoảng 20h cùng ngày V liên lạc với anh Đặng Duy H3 hỏi vay thêm, anh H3 đồng ý và chuyển cho V số tiền 7.500.000 đồng qua tài khoản ngân hàng nêu trên. Tổng số tiền V đã nhận được từ việc cầm cố chiếc xe ô tô BKS: 28A-089.30 cho anh Đặng Duy H3 là 142.500.000 đồng, toàn bộ số tiền này V đã sử dụng chi tiêu hết. Sau khi nhận cầm cố xe ô tô BKS: 28A-089.30 từ Trịnh Ngọc V thì anh Đặng Duy H3 sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi lại. Đến khoảng tháng 01/2022 thì anh Đặng Duy H3 nhờ bạn là anh Nguyễn Ngọc H4 sinh năm 1997, trú tại: tổ D, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình mang chiếc xe đi gửi tại nhà anh Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1976 thuộc xóm T, xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Do quá lâu không thấy Trịnh Ngọc V mang trả xe, không thanh toán tiền thuê xe, anh Nguyễn Việt H1 đã nhiều lần liên lạc yêu cầu V trả lại xe cho mình nhưng không được, anh Việt H1 đã có đơn tố cáo Trịnh Ngọc V với cơ quan công an.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 153/KL-HĐĐGTS ngày 20/05/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố H kết luận: "01(một) xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại: CERATO 1.6 AT, loại xe ô tô con 5 chỗ ngồi, màu sơn trắng, số máy: RNYBC41A6KC165901, số khung: G4FGKH733135, BKS: 28A-089.30 năm sản xuất: 2019, đăng ký lần đầu: 20/11/2019, tình trạng đã qua sử dụng, hoạt động bình thường, xe sử dụng kinh doanh dịch vụ. Tổng cộng: Giá tài sản là 470.000.000 đồng (*Bốn trăm bảy mươi triệu đồng*)".

Tại Kết luận giám định số: 417/KL-KTHS ngày 13/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh Hòa Bình kết luận: “ Chữ ký, chữ viết dưới mục đại diện Bên B trên hợp đồng cho thuê xe tự lái ngày 21/12/2021 (ký hiệu A1) và biên bản giao nhận xe ngày 21/12/2021 (ký hiệu A2) với chữ ký, chữ viết của Trịnh Ngọc V trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M2 đến M6) do cùng một người ký và viết ra”.

Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2024/HS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân thành phố H, tỉnh Hoà Bình tuyên bố bị cáo Trịnh Ngọc V phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự: Xử phạt: Trịnh Ngọc V 09 (*chín*) năm tù. Tổng hợp hình phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 43/2023/HS - PT ngày 26/12/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Hoà Bình, buộc bị cáo Trịnh Ngọc V phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là: 11 (*mười một*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/02/2023. Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06/8/2024, bị cáo Trịnh Ngọc V kháng cáo kêu oan. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị cáo vẫn không thừa nhận hành vi phạm tội và khẳng định: bị cáo chỉ liên hệ thuê xe với anh Phạm Thanh T2 chứ không thuê xe từ anh Nguyễn Việt H1, khi thuê xe không lập hợp đồng, không thỏa thuận thời gian thuê là bao lâu, đối với số tiền thuê thì ngầm hiểu là 700.000 đồng/ngày. Sau khi bị cáo thuê, đã cho anh Duy H3 mượn chiếc xe này, giữa bị cáo và anh Duy H3 không lập hợp đồng mà chỉ nói là cho mượn, không thỏa thuận thời hạn mượn. Mặt khác, giữa bị cáo và anh Duy H3 thường xuyên có quan hệ, giao dịch làm ăn liên quan đến việc vay tiền, nên việc hai người có giao dịch chuyển tiền là điều bình thường, không có việc cầm cố. Bị cáo sau khi cho anh Duy H3 mượn xe thì có thông tin lại cho anh T2 biết. Các cơ quan tiến hành tố tụng khởi tố, truy tố, xét xử bị cáo tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là không có sơ sở. Ngoài ra, trong kết luận điều tra không ghi nhận số tiền trước đó bị cáo đã thanh toán cho anh T2.

Người bào chữa cho bị cáo, Luật sư Vũ Văn T1 trình bày: Lời khai của H3, T2 và bị cáo đều thể hiện việc trao đổi thuê xe thông qua việc gọi điện và nhắn tin nhưng chưa được thu thập dữ liệu điện tử là vi phạm quy định tại Điều 107 Bộ luật Tố tụng hình sự, đây là thiếu sót trong việc đánh giá chứng cứ bởi chứng cứ này có vai trò quyết định đến tội danh của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ dựa vào lời khai của anh H3 để kết tội là vi phạm Điều 91 Bộ luật Tố tụng hình sự. Từ đó, Luật sư T1 khẳng định không có việc cầm cố mà là cho mượn. Về trách nhiệm dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá, tuyên buộc bị cáo phải thanh toán cho anh Duy H3 42.500.000 đồng là không đúng vì theo tài liệu thể hiện bị cáo đã trả hết số tiền cho anh H3, thậm chí trả hơn số tiền mà bị cáo vay. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H để điều tra lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình nêu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố H tuyên bố bị cáo phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, hình phạt phù hợp với tính chất mức độ, hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo V, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2024/HS - ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H. Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo V phải thanh toán cho anh Nguyễn Việt H1 số tiền 60.000.000 đồng. Về án phí: bị cáo V phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo V khai quá trình điều tra, ngày 16/01/2024, bị cáo Trịnh Ngọc V có đơn kiến nghị về việc Cơ quan điều tra không cho bị cáo được đối chất với anh Phạm Thanh T2, Đặng Duy H3, đã không thông báo cho bị cáo Kết luận giám định; đề nghị cho giám định lại Hợp đồng thuê xe tại V3 - Bộ Công an; từ trước đến nay các cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án trên tỉnh Hoà Bình chưa làm việc với bị cáo bất cứ nội dung gì. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thay đổi lời khai cho rằng đã được Cơ quan điều tra cho bị cáo đối chất với anh Phạm Thanh T2, anh Đặng Duy H3, bị cáo đã nhận được Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, Kết luận giám định, Kết luận điều tra. Nhưng bị cáo chưa được nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H. Hội đồng xét xử xét thấy tại Biên bản làm việc ngày 13/5/2024 thể hiện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tiến hành tổng đạt Cáo trạng song bị cáo không ra làm việc (BL399). Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/8/2024 bị cáo V có đơn kháng cáo và kháng cáo này trong thời hạn, hợp lệ, được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư T vắng mặt nhưng có Luật sư T1 là người bào chữa cho bị cáo, bị cáo cũng không có ý kiến gì về việc Luật sư T vắng mặt. Đối với bị hại Nguyễn Việt H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị Kim M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đặng Duy H3, anh Phạm Thanh T2 vắng mặt không có lý do nhưng đã được triệu tập hợp lệ, lời khai của những người vắng mặt đã được làm rõ tại cấp sơ thẩm. Do đó việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 291, Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Trịnh Ngọc V, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về hành vi phạm tội, trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo

[2.1.1]. Mặc dù bị cáo kêu oan cho rằng mình thuê xe của anh Phạm Thanh T2 nhưng không có hợp đồng thuê, không có thời hạn thuê, sau khi thuê thì cho anh Đặng Duy H3 mượn chứ không phải cầm cố tài sản, bị cáo và anh Duy H3 cũng không thỏa thuận thời hạn mượn. Nhưng căn cứ lời khai của bị hại H3, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đặng Duy H3, Phạm Thanh T2; biên bản đối chất; kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Ngày 21/12/2021, Trịnh Ngọc V đã đặt vấn đề với anh T2 cho thuê xe tự lái. Vì không còn xe nên anh T2 đã liên hệ với anh Nguyễn Việt H1 để H1 cho V thuê xe. Bị cáo V cho rằng, mình không biết anh Việt H1 là ai nhưng theo tin nhắn Zalo giữa bị cáo và anh T2 đã chứng minh việc bị cáo biết xe đó là của anh Việt H1. Do đó, việc bị cáo cho rằng mình không có thỏa thuận thống nhất về các nội dung trong hợp đồng thuê xe với anh H1 là không có căn cứ. Theo hợp đồng thuê xe, bị cáo Trịnh Ngọc V đã trực tiếp viết tên, ký vào hợp đồng thuê xe. Chữ ký, chữ viết “Trịnh Ngọc V” trong hợp đồng thuê xe đã được giám định, kết luận là của bị cáo, tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận chữ ký, chữ viết “Trịnh Ngọc V” trong hợp đồng là của mình. Sau khi thuê xe, theo bị cáo là cho anh Duy H3 mượn chứ không phải cầm cố. Bị cáo V cho rằng giữa bị cáo và anh T2, Duy H3 không có thỏa thuận thời hạn cho thuê, thời hạn cho mượn là bao lâu nên bị cáo không có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của anh Duy H3 trong quá trình giải quyết thì bị cáo V đã cầm cố chiếc xe ô tô BKS: 28A-089.30 cho anh H3, tin nhắn Zalo giữa anh T2 và bị cáo có nội dung yêu cầu bị cáo trả lại xe nhưng bị cáo khất, không trả cho đến khi anh Việt H1 làm đơn ra Cơ quan Công an, Cơ quan Công an đã ra quyết định truy tìm xe ô tô, ngày 28/4/2022, anh Nguyễn Văn T3 đã giao nộp

chiếc xe trên cho Công an. Do đó, toàn bộ lời khai không nhận tội của bị cáo cũng như quan điểm bào chữa của Luật sư là không có căn cứ để chấp nhận. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 21/12/2021, sau khi thuê xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, màu trắng, BKS: 28A-089.30 trị giá là 470.000.000 đồng của anh Nguyễn Việt H1, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên V đã nảy sinh ý định mang chiếc xe ô tô trên đi cầm cố cho anh Đặng Duy H3 vay tổng số tiền là 142.500.000 đồng để chi tiêu cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

Đối với file ghi âm cuộc trao đổi giữ chị Vũ Thị Kim M và anh Đặng Duy H3 có nội dung thể hiện việc bị cáo chỉ cho anh Duy H3 mượn xe, theo bị cáo hiện chị M đang giữ, file ghi âm này được ghi thời điểm tháng 1 năm 2024. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị M có ý kiến Luật sư đang giữ file ghi âm này. Tại phiên tòa, Luật sư có ý kiến chị M giữ file ghi âm và đã nộp cho Cơ quan điều tra. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét hơn nữa file ghi âm này được ghi thời điểm tháng 1 năm 2024 là thời điểm sau khi bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

[2.1.2]. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn.

Bị cáo có hai tiền án nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định tiền án (Ngày 04/07/2016, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hòa Bình xử phạt 16 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích tại Bản án số 07/2016/HSST) là không đúng vì bị cáo đã chấp hành xong bản án. Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong vụ án thể hiện bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo đã nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm nhưng bị cáo chưa thi hành phần trách nhiệm dân sự (chưa bồi thường cho anh Đặng Minh T4 số tiền 14.500.000 đồng do chưa đủ điều kiện tài sản để thi hành). Căn cứ Điều 70 của Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tiền án là đúng.

Bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả (số tiền 100.000.000 đồng) do hành vi phạm tội gây ra, nguồn gốc số tiền này là của chị M; bị cáo có bố là người có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Tòa án nhân dân thành phố H căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo V phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và xử phạt bị cáo 9 năm tù là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, hình phạt là phù hợp với tính chất, mức độ

hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Trước đó, ngày 26/12/2023, bị cáo bị xử phạt 24 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 11 năm tù là đúng quy định.

[2.1.3]. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

[2.2]. Về trách nhiệm dân sự:

[2.2.1]. Bị hại anh Nguyễn Việt H1 đã nhận lại xe ô tô, anh H1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền do không khai thác được công dụng của xe tính tương ứng với số tiền thuê xe là 10.000.000 đồng/tháng, tổng 6 tháng là 60.000.000 đồng. Mặc dù, bị cáo V không đồng ý bồi thường nhưng Hội đồng xét xử xét thấy, tính đến ngày 13/6/2022 anh Nguyễn Việt H1 mới nhận lại xe là 6 tháng, trong thời gian này do hành vi phạm tội của bị cáo nên anh H1 mất thu nhập thuê xe. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận, buộc bị cáo bồi thường 60.000.000 đồng cho anh H1 là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2.2.2]. Đối với yêu cầu của anh Đặng Duy H3 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 42.500.000 đồng, xét tại phiên tòa sơ thẩm anh Duy H3 vắng mặt nên chưa có đủ căn cứ để giải quyết yêu cầu trên Tòa án cấp sơ thẩm đã tách giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi anh H3 có yêu cầu là đúng quy định. Luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết, buộc bị cáo phải bồi thường là không đúng.

[2.2.3]. Quá trình giải quyết vụ án, chị Vũ Thị Kim M đã thay bị cáo bồi thường cho anh Đặng Duy H3 100.000.000 đồng. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định số tiền trên. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, trong đơn xin xét xử vắng mặt chị M có ý kiến không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 100.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2.3]. Về vật chứng: 01 (Một) xe ô tô nhãn hiệu tô nhãn hiệu KIA, số loại: CERATO 1.6 AT, loại xe ô tô con 5 chỗ ngồi, màu sơn trắng, số máy: RNYBC41A6KC165901, số khung: G4FGKH733135, BKS: 28A-089.30 năm sản xuất: 2019, đăng ký lần đầu: 20/11/2019. Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại Nguyễn Việt H1 nên Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập xem xét là đúng.

Đối với bộ giấy tờ là bản chính của chiếc xe ô tô BKS: 28A-089.30; giấy đăng kiểm xe ô tô; giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự; giấy thế chấp xe ô tô BKS: 28A-089.30 tại Ngân hàng TMCP V4, anh H1 đã giao cho bị cáo khi cho thuê,

quá trình anh Duy H3 quản lý sử dụng đất thất lạc. Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy tìm đối với các tài liệu trên, anh H3 sau khi nhận được chiếc xe không có đề nghị gì về những giấy tờ này nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét; Đối 01 hợp đồng thuê xe tự lái giữa Nguyễn Việt H1 và bị cáo; 01 biên bản giao nhận xe ô tô giữa Nguyễn Việt H1 và bị cáo được lưu trong hồ sơ vụ án là phù hợp.

Từ những nhận định tại mục [1] và mục [2], thấy rằng không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Ngọc V. Cần giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2024/HS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hoà Bình.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Ngọc V. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2024/HS-ST ngày 25/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình, cụ thể:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Ngọc V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.
Xử phạt: bị cáo Trịnh Ngọc V 09 (chín) năm tù. Tổng hợp hình phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 43/2023/HS - PT ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình, buộc bị cáo Trịnh Ngọc V phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là: 11 (mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/02/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Trịnh Ngọc V phải bồi thường cho anh Nguyễn Việt H1 số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trịnh Ngọc V phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm hình sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (06/11/2024)./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND thành phố H;
- TAND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- Chi cục THADS tpHoà Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu TH; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Liễu